

Bản án số: 11/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 10-02-2026
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 – QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Kim Quyên

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Hoàng Thị Hoài Phong
- Bà Phan Thị Khánh Phương

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Kim Chi – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1 – Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Ông Võ Hồng Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 02 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1 – Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 196/2025/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 10 năm 2025, về “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 01 năm 2026, Quyết định hoãn phiên tòa số 27/2026/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 01 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:* Bà Hồ Thị T, sinh năm 1985;
Địa chỉ: Số C đường N, phường N, tỉnh Quảng Ngãi.
- Bị đơn:* Ông Nguyễn Tiến C, sinh năm 1984;
Địa chỉ: Thôn A, xã A, tỉnh Quảng Ngãi.
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ngân hàng C1.
Địa chỉ liên hệ: Số C đường N, phường C, tỉnh Quảng Ngãi.

Tại phiên tòa, bà T và đại diện Ngân hàng Chính sách xã hội vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, ông C vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 02/7/2025, đơn khởi kiện bổ sung ngày 22/9/2025 bản tự khai ngày 11/12/2025 và trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án nguyên đơn bà Hồ Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Tiến C có tình cảm, yêu thương, tự nguyện đến với nhau và đăng kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N (cũ) nay là xã A, tỉnh Quảng Ngãi vào ngày 02/4/2013. Trong quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng rất hạnh phúc sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do ông C chơi bời, nhậu nhẹt không lo làm ăn, khiến vợ chồng thường xuyên bất hòa, mâu thuẫn, lời qua tiếng lại rất nhiều lần dẫn đến vợ chồng không tìm được tiếng nói chung và không sống cùng nhau từ năm 2023 đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà ly hôn với ông Nguyễn Tiến C.

Về con chung: Bà và ông C có 02 con chung là cháu Nguyễn Tiến H, sinh ngày 13/08/2011 và cháu Nguyễn Thị Mỹ L, sinh ngày 10/5/2019. Khi ly hôn bà T yêu cầu giao cháu H và cháu L cho bà T chăm sóc, nuôi dưỡng; bà T không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng có khoản nợ chung là 30.000.000 đồng tại Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh C1 vay theo chương trình nước sạch, hộ cận nghèo, bà thúy yêu cầu ông công có trách nhiệm trả khoản nợ 30.000.000 đồng cho Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh C1. Tại bản tự khai ngày 11/12/2025, bà T trình bày đối với khoản nợ 30.000.000 đồng tại Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh C1 bà đã thỏa thuận trả nợ xong cho Ngân hàng nên bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết nữa, ngoài ra bà với ông C không có khoản nợ chung nào khác.

Bị đơn ông Nguyễn Tiến C đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng không đến Tòa án làm việc, không đến dự phiên tòa và cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến cho Tòa án nên không có ý kiến trình bày đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại văn bản số 274/NHCS-KHNV người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng C1 trình bày:

Ngày 12/10/2018, vợ chồng bà Hồ Thị T và ông Nguyễn Tiến C vay vốn Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh C1 chương trình Nước sạch vệ và sinh môi trường nông thôn số tiền 20.000.000 đồng. Ngày 12/3/2022, vợ chồng bà Hồ Thị T và ông Nguyễn Tiến C vay vốn Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh C1 chương trình Hộ cận nghèo với số tiền 40.000.000 đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng vay bà T và ông C đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng vay. Nay, ông C và bà T đã trả xong khoản nợ cho ngân hàng nên Ngân hàng không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với khoản nợ vay trong vụ án ly hôn giữa ông C và bà T.

Đại diện Ngân hàng C1 đề nghị vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án nhân dân khu vực 1 – Quảng Ngãi giải quyết vụ án tại các buổi làm việc; phiên họp kiểm tra

việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, các phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm (nếu có) xét xử vụ án ly hôn giữa bà Hồ Thị T và ông Nguyễn Tiến C.

Ý kiến đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Quảng Ngãi tại phiên tòa sơ thẩm:

Về tố tụng: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tiến hành các thủ tục tố tụng sơ thẩm đối với vụ án theo trình tự thời gian từ giai đoạn tiếp nhận đơn cho đến khi thụ lý vụ án, xác định quan hệ tranh chấp, thu thập, tài liệu, chứng cứ, tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải, thông báo kết quả phiên họp, cấp tổng đạt các văn bản tố tụng cho các đương sự và các thủ tục tố tụng khác do Thẩm phán tiến hành đảm bảo đầy đủ, đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự.

Nguyên đơn: Chấp hành đúng, đầy đủ quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn không chấp hành đúng quy định Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ các Điều 28, Điều 35, Điều 68, Điều 203 và khoản 4 Điều 147 BLTTDS; Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật HNGĐ năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326 của UBTVQH, đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hồ Thị T.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Hồ Thị T được ly hôn với ông Nguyễn Tiến C.

- Về con chung: Căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật HNGĐ năm 2014 giao cả 02 cháu Nguyễn Tiến H, sinh ngày 13/7/2021 và Nguyễn Thị Mỹ L, sinh ngày 10/5/2019 cho bà Hồ Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ông Nguyễn Tiến C không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom chăm sóc con chung mà không ai được quyền cản trở.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

- Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

- Về án phí: Bà Hồ Thị T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Bà Hồ Thị T khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Tiến C. Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; khoản 1 Điều 39; Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 1 – Quảng Ngãi.

[1.2] Tại phiên tòa, bà Hồ Thị T và đại diện Ngân hàng Chính sách xã hội vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, ông Nguyễn Tiến C đã được triệu tập hợp lệ

đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà T, ông C và đại diện Ngân hàng C1.

[2] Về nội dung yêu cầu khởi kiện:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Hồ Thị T và ông Nguyễn Tiến C tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N (cũ) nay là xã A, tỉnh Quảng Ngãi vào ngày 02/4/2013; trước khi kết hôn có tìm hiểu, yêu thương và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục truyền thống nên hôn nhân giữa bà T và ông C là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 8, Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Giấy triệu tập và các văn bản tố tụng khác nhưng ông C không có ý kiến phản đối yêu cầu khởi kiện và các tình tiết, sự kiện mà bà T đưa ra, không đến Tòa án để trình bày ý kiến, hòa giải, không đến phiên tòa để trình bày. Căn cứ Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

Căn cứ vào Đơn khởi kiện và trình bày của bà T thì nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn giữa vợ chồng là do C không có trách nhiệm với vợ con, ông C chơi bời, nhậu nhẹt không lo làm ăn, khiến vợ chồng thường xuyên bất hòa, mâu thuẫn, lời qua tiếng lại rất nhiều lần dẫn đến vợ chồng không tìm được tiếng nói chung và không sống cùng nhau từ năm 2023 đến nay. Căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ lời trình bày, chứng cứ của bà T về tình trạng hôn nhân trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T.

[2.2] Về con chung: Bà T và ông C có 02 con chung là cháu Nguyễn Tiến H, sinh ngày 13/8/2011 và cháu Nguyễn Thị Mỹ L, sinh ngày 10/5/2019; bà T yêu cầu giao cháu H và cháu L cho bà nuôi dưỡng; cháu Nguyễn Tiến H có nguyện vọng khi ba, mẹ cháu ly hôn cháu xin được ở với ba. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập ông Nguyễn Tiến C đến làm việc, trình bày ý kiến nhưng ông C không đến Tòa án làm việc nên không có cơ sở để xem xét giao cháu Nguyễn Tiến H cho ông C nuôi dưỡng chăm sóc, giáo dục. Căn cứ khoản 2 Điều 69, khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử giao cháu H và cháu L cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng là bảo đảm quyền lợi về mọi mặt cho các cháu. Bà T không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Ông Nguyễn Tiến C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[2.3] Về nợ chung: Bản tự khai ngày 11/12/2025, bà T trình bày đối với khoản nợ 30.000.000 đồng tại Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh C1 bà đã thỏa thuận trả nợ xong cho Ngân hàng nên bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tại Văn bản số 274/NHCS-KHNV ngày 02/02/2026 đại diện Ngân hàng C1 trình bày: Ngày

12/10/2018, vợ chồng bà Hồ Thị T và ông Nguyễn Tiến C vay vốn Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh C1 chương trình Nước sạch vệ và sinh môi trường nông thôn số tiền 20.000.000 đồng. Ngày 12/3/2022, vợ chồng bà Hồ Thị T và ông Nguyễn Tiến C vay vốn Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh C1 chương trình Hộ cận nghèo với số tiền 40.000.000 đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng vay bà T và ông C đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng vay. Nay, ông C và bà T đã trả xong khoản nợ cho Ngân hàng nên Ngân hàng không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với khoản nợ vay trong vụ án ly hôn giữa ông C và bà T.

Như vậy, khoản nợ chung của ông C và bà T tại Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh C1 đã thỏa thuận thanh toán xong, bà T và Ngân hàng C1 không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét. Ngoài ra bà T xác định bà với ông C không có khoản nợ chung nào khác.

[2.4] Về tài sản chung: Bà T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, bà T phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0001883 ngày 28/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Quảng Ngãi tại phiên tòa đúng quy định pháp luật nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, 227, 228, 266, 271, 272, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 55, 58, 69, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hồ Thị T.

1. Về hôn nhân: Bà Hồ Thị T được ly hôn với ông Nguyễn Tiến C.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Tiến H, sinh ngày 13/8/2011 và cháu Nguyễn Thị Mỹ L, sinh ngày 10/5/2019 cho bà Hồ Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; ông Nguyễn Tiến C không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông Nguyễn Tiến C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Bà T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Hồ Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0001883 ngày 28/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND khu vực 1 – Quảng Ngãi;
- Phòng THADS khu vực 1 – Quảng Ngãi;
- UBND xã An Phú;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Huỳnh Thị Kim Quyên

